CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái (HSX: YBM)

FireAnt

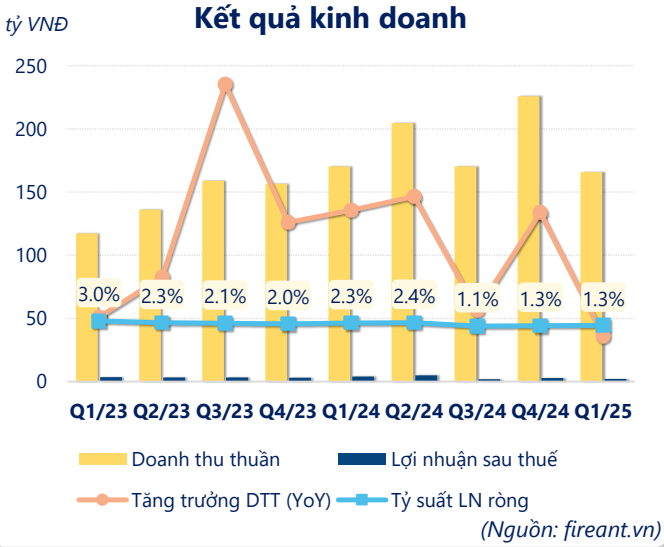
Ngày 31/03/2025	13,750 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-14.3%	38.6%	22.8%

ROE 2024: 7.2% | +/- YoY: ▼ 0.3%

	Q1/25	QoQ	YoY
DT thuần	166 tỷ VNĐ	▼ 60.0 ▼ 26.6%	▼ 4.00 ▼ 2.5%
LN gộp	62.6 tỷ VNĐ	▼ 10.1 ▼ 13.9%	▲ 10.2 ▲ 19.4%
LN thuần	2.84 tỷ VNĐ	▼ 0.71 ▼ 20.0%	▼ 1.99 ▼ 41.2%
LN sau thuế	2.18 tỷ VNĐ	▼ 0.66 ▼ 23.3%	▼ 1.68 ▼ 43.5%

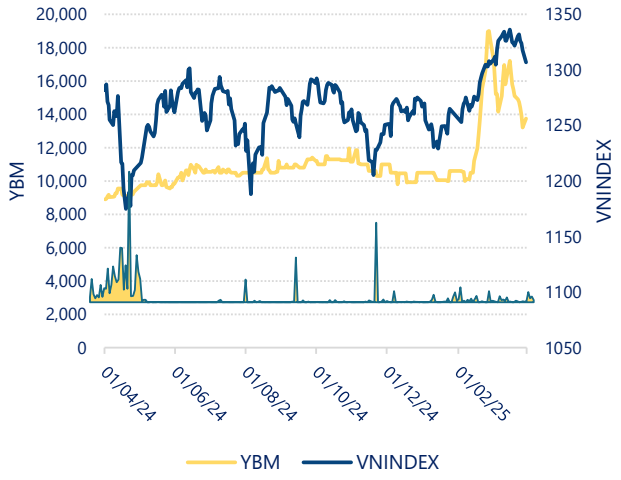
	2024	YoY
DT thuần	771 tỷ VNĐ	▲ 217 ▲ 39.2%
LN gộp	240 tỷ VNĐ	▲ 74.0 ▲ 44.1%
LN thuần	18.1 tỷ VNĐ	▲ 1.00 ▲ 5.8%
LN sau thuế	13.3 tỷ VNĐ	▼ 0.10 ▼ 0.5%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

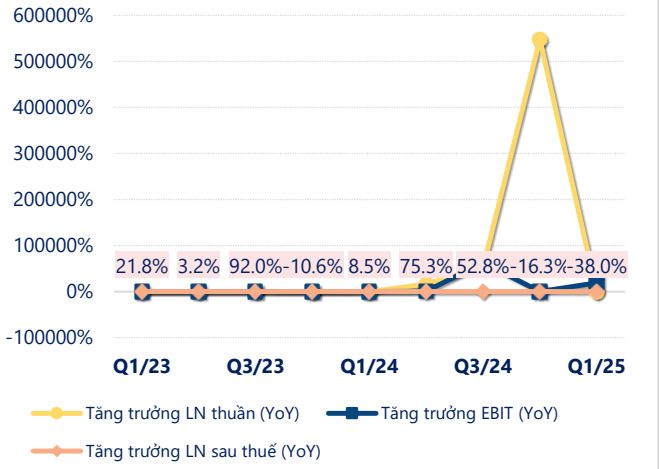
Lịch sử giá



CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái (HSX: YBM)

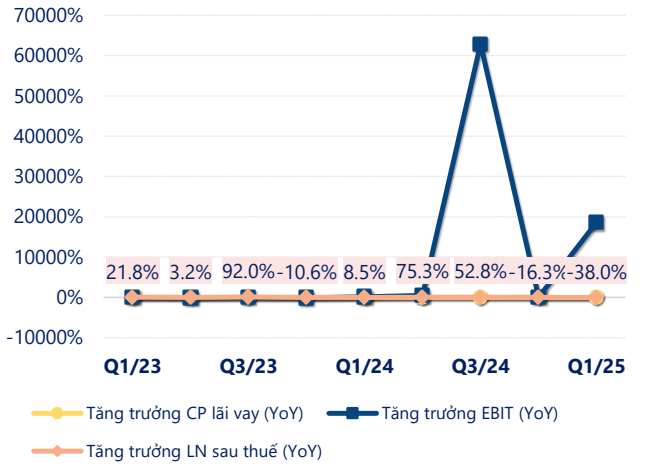
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



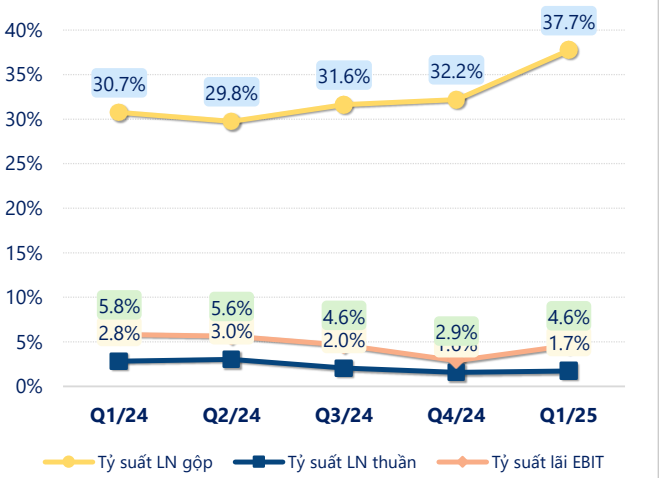
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



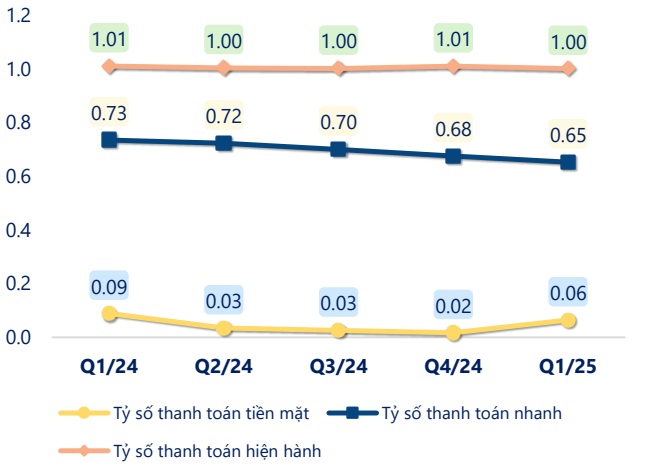
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



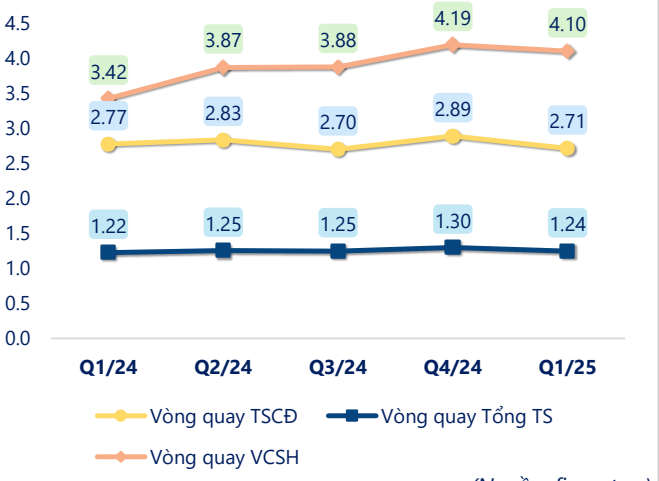
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



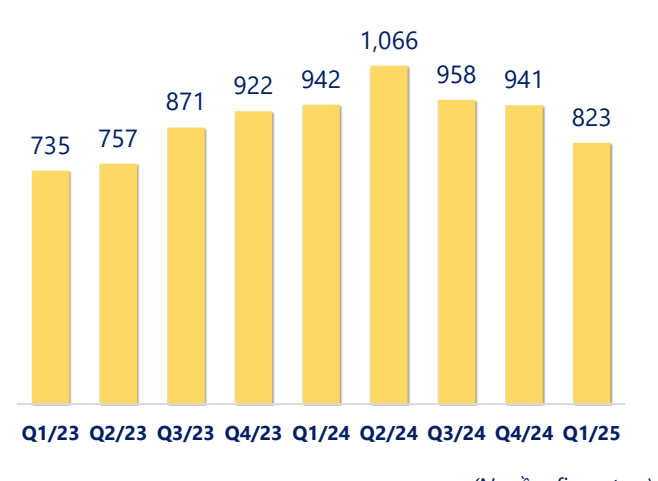
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

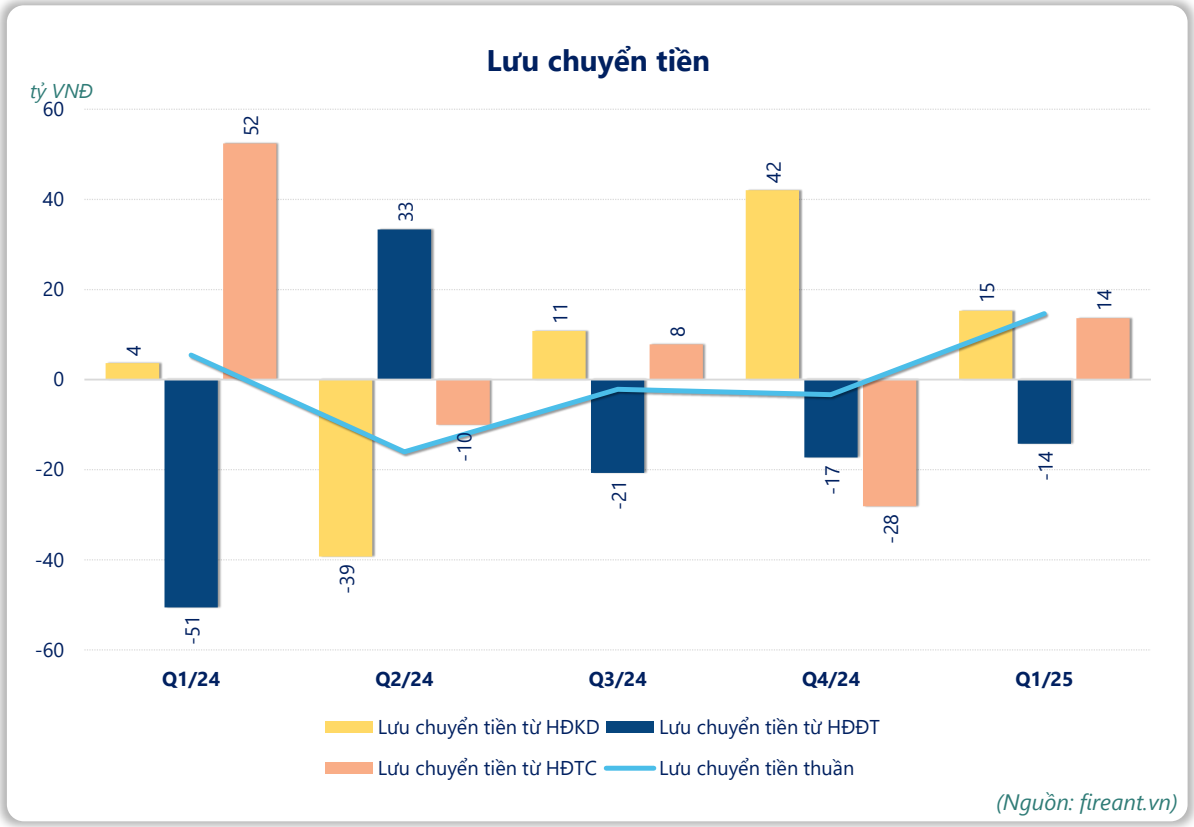


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái (HSX: YBM)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**166**	**170**	**-2.5%**	**771**	**554**	**39.2%**
Giá vốn hàng bán	103	118	-12.5%	531	387	37.1%
Lợi nhuận gộp	62.6	52.4	19.4%	240	166	44.1%
Doanh thu HĐTC	1.58	0.98	61.1%	8.56	2.87	199%
Chi phí TC	5.54	6.02	-8.0%	23.8	19.5	21.9%
Chi phí lãi vay	4.85	5.08	-4.6%	20.5	15.3	34.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	52.7	40.5	30.2%	196	125	57.5%
Chi phí QLDN	**3.02**	**1.96**	**54.2%**	**9.92**	**7.86**	**26.3%**
LN thuần từ HĐKD	2.84	4.83	-41.2%	18.1	17.1	5.8%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**0.00**		**-0.46**	**-0.34**	**-34.2%**
LN trước thuế	2.78	4.83	-42.4%	17.6	16.7	5.2%
Lợi nhuận sau thuế	**2.18**	**3.86**	**-43.5%**	**13.3**	**13.4**	**-0.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.18**	**3.86**	**-43.5%**	**13.3**	**13.4**	**-0.5%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)